# LÝ LỊCH KHOA HỌC

# 1.VỀ NHÂN THÂN

# Họ và tên: Nguyễn Văn Tiến

# Giới tính: Nam

# Ngày sinh: 06/01/1962

# Quê quán: Xã Hoằng Quý, huyện Hoằng Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chỗ ở hiện nay: Số 4, Ngõ 84, Phố Chùa Láng, Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội.

Đơn vị công tác: Học viện Ngân hàng, Hà Nội.

Chức vụ hiện nay: Trọng tài viên Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam

Chủ nhiệm khoa Học viện Ngân hàng

Số CMT: 011833523, ngày 15/12/2003, do CA Hà Nội cấp.

# Điện thoại : 0912 11 22 30 - (84-4) 8 315 807

Email: *tiennv@hvnh.edu.vn*

Số tài khoản: 1460 205 028 567, tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Nam Hà Nội.

Mã số thuế cá nhân: 80 09 23 13 41

**2.QUÁ TRÌNH ĐÀO TẠO**

- Giáo sư kinh tế tháng 11 năm 2010.

- Phó giáo sư kinh tế tháng 10 năm 2004.

- Tiến sĩ kinh tế, tháng 2 năm 1993 (National Economic University, Slovakia).

- Cử nhân kinh tế ngành Tài chính - Ngân hàng, 6/1989 (National Economic University, the Republic of Czech and Slovak).

-Chứng chỉ chuyên môn: "Tài trợ thương mại", 2/2002 (IMF Program,Singapore.

-Chứng chỉ chuyên gia:"Kinh tế vĩ mô", 4/1997-JICA Sponsored Programs, Japan.

**3.CHUYÊN MÔN HIỆN NAY**

- Trọng tài viên Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC).

-Giảng dạy và nghiên cứu:Tài chính - Tiền tệ - Ngân hàng, Quản trị tài chính doanh nghiệp, Quản trị ngân hàng, Tài chính quốctế, Quản trị hối đoái trong kinh doanh, Thanh toánquốc tế, Tài trợ thương mại quốc tế.

-Giảng dạy chương trình cao học và đại học tại:

- Học viện Ngân hàng,

- Đại học Ngoại thương Hà Nội,

- Khoa quốc tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Chương trình Cao học Mỹ - Đại học Bách khoa Hà Nội.

- Đại học Tài Chính – Marketing TP. HCM.

- Giảng dạy các lớp chuyên đề:

- Quản trị Tài chính doanh nghiệp.

- Quản trị Tài chính quốc tế.

- Thanh toán quốc tế và Tài trợ ngoại thương.

- Thanh toán quốc tế bằng L/C.

- Quản trị Ngân hàng.

- Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng.

- Kinh doanh ngoại hối và các nghiệp vụ phái sinh.

**4.CHUYÊN MÔN ĐÃ QUA:**

- Trưởng khoa Kinh doanh Quốc tế - Học viện Ngân hàng.

- Trưởng khoa Tiền tệ - Tín dụng Quốc tế - Học viện Ngân hàng.

- Phụ trách khoa Ngân hàng - Học viện Ngân hàng.

-Trưởng phòng Tổng hợp và Phân tích kinh tế Ngân hàng Ngoại thương TW.

-Phó phòng Kinh doanh vốn Ngân hàng Ngoại thương TW.

**5.CÁC SÁCH ĐÃ XUẤT BẢN:**

- International Finance. Statistical Publishing House, 2011 (bằng tiếng Anh).

- Tiền tệ - Ngân hàng và Thị trường Tài chính - Dành cho nhà quản trị Tài chính - Ngân hàng, học viên Cao học & NCS. NXB Lao động, 2016.

- Tài chính quốc tế hiện đại - Dành cho học viên cao học & NCS. NXB Thống kê, 2013.

- Cẩm nang Thanh toán quốc tế & Tài trợ ngoại thương. NXB Thống kê, 2014.

- Quản trị rủi ro trong kinh doanh ngân hàng. NXB Thống kê, 2010.

- Giáo trình Quản trị Ngân hàng Thương mại. NXB Thống kê, 2015.

- Giáo trình Tín dụng Ngân hàng. NXB Thống kê, 2014.

- Giáo trình Nguyên lý & Nghiệp vụ NHTM. NXB Thống kê, 2014.

- Giáo trình Thanh toán quốc tế & Tài trợ ngoại thương. NXB Lao động, 2016.

- Giáo trình Tài chính quốc tế. NXB Thống kê, 2012.

- Giáo trình Thị trường ngoại hối & Quản trị hối đoái trong kinh doanh. NXB LĐ 2015.

- Giáo trình Tiền tệ - Ngân hàng. NXB Thống kê, 2012.

- Bài tập & Bài giải Tài chính quốc tế, NXB Thống kê, 2012.

- Bài tập & Bài giải Thanh toán quốc tế. NXB Thống kê, 2012.

**6.ĐỀ TÀI NCKH**

- Chủ nhiệm đề nhánh 4, đề tài NCKH cấp Nhà nước:

Thực trạng hệ thống giám sát Tài chính Việt Nam. Bảo vệ năm 2011.

- Chủ nhiệm Đề tài NCKH cấp Viện:

Nghiên cứu và đánh giá giá cơ chế định giá tiền đồng với USD hay EUR hay một rổ tiền tệ của các nước có tỷ trọng thương mại lớn với Việt Nam. Bảo vệ 2009.

- Chủ nhiệm Đề tài NCKH cấp Viện:

Phân tích và tính toán độ co dãn của cầu xuất, nhập khẩu hàng hóa với tỷ giá hối đoái VND. Bảo vệ 2009

- Thư ký Đề tài NCKH cấp ngành Ngân hàng:

Phát triển các công cụ tài chính phái sinh tại Việt Nam. Bảo vệ năm 2007.

- Chủ nhiệm Đề tài NCKH cấp ngành Ngân hàng:

Hoàn thiện và Phát triển thị trường ngoại hối Việt Nam. Bảo vệ năm 2002.

- Đang chủ nhiệm đề tài cấp ngành Ngân hàng:

Cơ sở sử dụng hạn mức tín dụng trong điều hành CSTT của NHNN VN.

**7. HƯỚNG DẪN NCS BẢO VỆ THÀNH CÔNG LẬN ÁN TIẾN SĨ**

Tổng số 07 NCS, trong đó:

Hướng dẫn chính: 5 NCS

Hướng dẫn phụ: 2 NCS

**8. HƯỚNG DẪN SINH VIÊN LÀM ĐỀ TÀI NCKH**

Đạt giải cấp quốc gia:

01 giải nhất + 04 giải nhì + 04 giải ba

**9. CÁC BÀI BÁO ĐÃ CÔNG BỐ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **No** | **Article** | **Tạp chí** | **Vol.** | **Year** | **Pages** |
| 64 | Nguyên lý định giá hợp đồng kỳ hạn | Ngân hàng | 17 | 2016 | 26-30 |
| 63 | Kinh nghiệm sử dụng công cụ hạn mức tín dụng tại Ấn Độ và một số bài học cho Việt Nam | Ngân hàng | 15 | 2016 | 47-54 |
| 62 | Định giá và Kinh doanh hợp đồng kỳ hạn lãi suất | Ngân hàng | 11 | 2016 | 24-29 |
| 61 | Định giá và niêm yết hợp đồng hoán đổi lãi suất | Ngân hàng | 3+4 | 2016 | 129-134 |
| 60 | Khoa Kinh doanh quốc tế, Học viện Ngân hàng - Tiềm năng và triển vọng | Ngân hàng | 7 | 2015 | 43 |
| 59 | Bàn về phương thức cho vay của ngân hàng | Ngân hàng | 17 | 2014 | 22 |
| 58 | Những lưu ý trong lập và kiểm tra vận đơn đường biển theo tinh thần ISPB 745 | Ngân hàng | 5 | 2014 | 27 |
| 57 | Đôi điều trao đổi về bài giảng trạng thái ngoại tệ | Khoa học&Đào tạo Ngân hàng | 135 | 2013 | 71 |
| 56 | Vòng quay tín dụng nói gì về hiệu quả tín dụng? | Ngân hàng | 14 | 2013 | 17 |
| 55 | Can thiệp trung hóa và không trung hòa – Sự liên thông giữa thị trường tiền tệ và thị trường ngoại hối | Khoa học&Đào tạo Ngân hàng | 131 | 2013 | 11 |
| 54 | Những lưu ý trong sử dụng Incoterms®2010 | Ngân hàng | 12 | 2011 | 30/38 |
| 53 | Nhận diện những thách thức đối với hệ thống giám sát thị trường tài chính Việt Nam | Nghiên cứu kinh tế | 9/388 | 2010 | 30/38 |
| 52 | Hiệu lực hoạt động của hệ thống giám sát tài chính Việt Nam | Ngân hàng | 17 | 2010 | 28/36 |
| 51 | Tăng c­ường hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên đại học | Khoa học&Đào tạo Ngân hàng | 97 | 2010 | 63/67 |
| 50 | Đánh giá chính sách kích cầu của Việt Nam và một số giải pháp trong thời gian tới | Nghiên cứu kinh tế | 12 | 2009 | 52/61 |
| 49 | Chính sách tỷ giá VND nhằm cải thiện cán cân thương mại trong thời kỳ khủng hoảng tài chính toàn cầu | Ngân hàng |  | 2009 |  |
| 48 | Quyền chọn tiền tệ - các tình huống đặc biệt | Ngân hàng |  | 2009 |  |
| 47 | Ph­ương pháp học tập và NCKH đối với sinh viên đại học | Khoa học&Đào tạo Ngân hàng |  | 2009 |  |
| 46 | Cần phát triển nghiệp vụ quyền chọn tiền tệ từ sự hiểu biết của doanh nghiệp | Ngân hàng | 1 | 2008 | 42 |
| 45 | Phòng ngừa rủi ro tỷ giá trong thanh toán quốc tế | Tài chính | 5 | 2008 | 47 |
| 44 | Một số biện pháp phòng ngừa sai sót thư­ờng gặp trong bộ chứng từ thanh toán hàng hóa XNK theo L/C | Thương mại | 9 | 2008 | 39 |
| 43 | Hiểu và sử dụng tốt quy trình giao dịch L/C đối với doanh nghiệp XNK | Thương mại | 11+12 | 2008 | 41 |
| 42 | Viết tỷ giá theo học thuật và thực tế - điểm đặc biệt trong cách viết tỷ giá | Ngân hàng | 15 | 2008 | 28 |
| 41 | Nhìn nhận vấn đề nâng giá đồng Nhân tệ của Trung Quốc trong thời gian gần đây | Nghiên cứu kinh tế | 332 | 2006 | 71 |
| 40 | Nhận biết các loại vận đơn đ­ường biển | Ngân hàng | 11 | 2006 | 7 |
| 39 | Tìm hiểu vận đơn đ­ường biển | Ngân hàng | 7 | 2006 | 52 |
| 38 | Hiểu thế nào là “thực” và “danh nghĩa” đối với tỷ giá và lãi suất | Ngân hàng | 3 | 2006 | 12 |
| 37 | Chính sách mục tiêu lạm phát – Kinh nghiệm quốc tế và những gợi ý cho Việt Nam | Ngân hàng | 1+2 | 2006 | 11 |
| 36 | Nghiệp vụ quyền chọn tiền tệ - nhìn từ góc độ doanh nghiệp XNK | Kinh tế đối ngoại |  | 2006 |  |
| 35 | Rủi ro trong kinh doanh ngoại tệ và các quy tắc phòng ngừa | Ngân hàng | 7 | 2005 | 27 |
| 34 | Phân tích các nhân tố tác động lên tỷ giá trong ngắn hạn và dài hạn | Khoa học&Đào tạo Ngân hàng | 6 | 2005 | 10 |
| 33 | Nâng cao vai trò của NHNN trên thị tr­ường ngoại tệ liên ngân hàng | Ngân hàng | 1 | 2004 | 32 |
| 32 | Ph­ương pháp xác định tỷ giá hôm nay (tod) và ngày mai (tom) | Khoa học&Đào tạo Ngân hàng | 2 | 2004 | 63 |
| 31 | Nâng cao tính linh hoạt của giao dịch kỳ hạn và hoán đổi | Khoa học&Đào tạo Ngân hàng | 1 | 2004 | 67 |
| 30 | Hệ thống chỉ tiêu phân tích, đánh giá hiệu qủa hoạt động TTQT của NHTM | Kinh tế đối ngoại | 7 | 2004 | 96 |
| 29 | Mô hình thời l­ượng và vấn đề quản trị rủi ro lãi suất | Nghiên cứu kinh tế | 298 | 2003 | 13 |
| 28 | Giải pháp ứng phó với hiện t­ượng USD giảm giá đột biến thời gian qua | Nghiên cứu kinh tế | 305 | 2003 | 20 |
| 27 | Tỷ giá thực và tác động của nó đến cán cân thương mại | Nghiên cứu kinh tế | 307 | 2003 | 26 |
| 26 | Bàn về nội dung Chính sách tỷ giá hối đoái | Ngân hàng | 14 | 2003 | 36 |
| 25 | áp dụng ph­ương pháp lượng hoá RR lãi suất vào quản lý kinh doanh NH | Ngân hàng | 4 | 2003 | 41 |
| 24 | Việc hình thành tỷ giá kỳ hạn ở Việt Nam | Ngân hàng | 3 | 2003 | 45 |
| 23 | Quyền chọn tiền tệ và khả năng áp dụng ở Việt Nam | Ngân hàng | 1+2 | 2003 | 48 |
| 22 | Những vấn đề cơ bản về trạng thái ngoại hối | Khoa học&Đào tạo Ngân hàng | 6 | 2003 | 72 |
| 21 | Ph­ương pháp xác định lãi suất trái phiếu chiết khấu và dự báo lãi suất | Khoa học&Đào tạo Ngân hàng | 3 | 2003 | 82 |
| 20 | ảnh hư­ởng của phá giá lên cán cân th­ương mại | Thương mại | 10 | 2003 | 104 |
| 19 | Thị trư­ờng ngoại hối Việt Nam sau hơn 10 năm đổi mới | Nghiên cứu kinh tế | 291 | 2002 | 1 |
| 18 | Mối quan hệ giữa tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay dự tính - Lý thuyết và thực tế ở Việt Nam | Nghiên cứu kinh tế | 293 | 2002 | 8 |
| 17 | Những mặt trái khi định giá nội tệ cao | Ngân hàng | 8 | 2002 | 52 |
| 16 | Quản lý trạng thái ngoại tệ của các Ngân hàng Th­ương mại Việt Nam | Ngân hàng | 6 | 2002 | 56 |
| 15 | Yết tỷ giá trực tiếp, gián tiếp và ký hiệu tỷ giá | Ngân hàng | 4 | 2002 | 59 |
| 14 | Xác định lãi suất hoà vốn bình quân làm cơ sở cho vay trực tiếp nền kinh tế | Tài chính | 457 | 2002 | 100 |
| 13 | Vai trò của Interbank trong việc hình thàn h tỷ giá kỳ hạn | Khoa học&Đào tạo Ngân hàng | 1 | 2001 | 78 |
| 12 | Ph­ương pháp xác định tỷ lệ chênh lệch đầu vào đầu ra đối với NHTM | Khoa học&Đào tạo Ngân hàng | 8 | 1996 | 86 |
| 11 | Đi tìm một cơ cấu lãi suất hợp lý | Vietcombank | 3 | 1996 | 108 |
| 10 | Chế độ tỷ giá cố định và thả nổi: Những ­ưu điểm và hạn chế | Khoa học&Đào tạo Ngân hàng | 4 | 1995 | 90 |
| 9 | Hệ thống hóa các văn bản: Tự giải phóng mình và nâng cao hiệu quả công việc | Vietcombank | 9 | 1995 | 112 |
| 8 | Xác định kỳ hạn bình quân của tổng nguồn vốn và ý nghĩa của nó | Vietcombank | 6 | 1995 | 115 |
| 7 | Xác định lãi suất hòa vốn bình quân làm cơ sở đấu thầu tín phiếu kho bạc và cho vay trực tiếp nền kinh tế | Vietcombank | 5 | 1995 | 119 |
| 6 | Lãi suất sẽ đi theo h­ớng nào? và VCB cần có những phản ứng gì? | Vietcombank | 3 | 1995 | 122 |
| 5 | Dự báo lãi suất năm 1995 và những thử thách với VCB | Vietcombank | 1 | 1995 | 125 |
| 4 | Bàn về chiến l­ợc vốn của VCB | Vietcombank | 12 | 1994 | 129 |
| 3 | Những điểm mới trong huy động tiền gửi tiết kiệm của VCB | Vietcombank | 11 | 1994 | 132 |
| 2 | Tìm hiểu về trái phiếu VCB | Vietcombank | 10 | 1994 | 135 |
| 1 | Phư­ơng pháp xác định tỷ giá theo rổ tiền tệ | Vietcombank | 8 | 1994 | 138 |

*Hà Nội, ngày 01 tháng 01 năm 2017*

Người khai

**GS. TS. Nguyễn văn Tiến**